

Họ và tên HS :

Lớp :

**ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5
ĐỀ SỐ 1**

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Số thập phân gồm **3 chục, 6 đơn vị, 5 phần mười và 2 phần nghìn** được viết là :

- A. 36,52 B. 345,2 C. 3,452 D. 36,502

2. Số thập phân 512,49 được đọc là :

- A. Năm một hai phẩy bốn chín. B. Năm trăm mười hai phẩy bốn chín.
C. Năm trăm mười hai phẩy bốn mươi chín. D. Năm mươi hai phẩy bốn mươi chín.

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Một hình tròn có đường kính là 7,2dm. Vậy :

- a) Bán kính của hình tròn đó là dm.
b) Chu vi của hình tròn đó là dm.
c) Diện tích của hình tròn đó là dm^2 .

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

- a) $7,28 \times 10 = 72,8$ b) $7,28 : 10 = 72,8$
c) $0,9 \times 100 = 0,900$ d) $0,9 : 100 = 0,009$

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức :

- a) $7,92 + 5,86 \times 4,5$ b) $62,5 : (13,8 + 6,2)$
-
.....

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) $10,5\text{m} = \dots\dots\dots \text{cm}$ b) $10,5\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :



- a) Hình bên có tất cả hình vuông.
b) Hình bên có tất cả hình chữ nhật.

Bài 7. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

- a) $48,25 + 12,72 + 51,75 + 87,28$ b) $0,087 + 1,123 + 0,913 + 0,877$
-
.....
.....

Bài 8. Một hình thang có đáy lớn 6,5cm ; đáy bé 4,8cm và chiều cao 3,5cm. Tính diện tích của hình thang đó.

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 9. Bác Hai mua một con cá nặng 1,5kg hết 54000 đồng. Bác Ba cũng mua một con cá loại đó có cân nặng 1,2kg. Hỏi bác Ba phải trả bao nhiêu tiền ?


Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 10. Một người đi xe đạp trong ba giờ đi được 36km. Giờ thứ nhất người đó đi được 13,25km, giờ thứ hai người đó đi được ít hơn giờ thứ nhất 1,5km. Hỏi giờ thứ ba người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

 Sửa bài :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Họ và tên HS :	ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5 ĐỀ SỐ 2
Lớp :	

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Phân số $\frac{345}{10}$ được viết thành số thập phân là :
 A. 345,10 B. 34,5 C. 10,345 D. 3,45
2. Hỗn số $2\frac{9}{100}$ được viết thành số thập phân là :
 A. 2,9100 B. 29,100 C. 2100,9 D. 2,09

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) Một hình tam giác có độ dài đáy là 5,6cm ; chiều cao 4,8cm. Diện tích của hình tam giác đó là cm².
- b) Một hình thang có tổng độ dài hai đáy là 10,8dm ; chiều cao là 75cm. Diện tích của hình thang đó là dm².

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

- a) $99 \times 0,001 = 0,99$ b) $99 \times 0,001 = 0,099$
- c) $3,58 : 0,1 = 35,8$ d) $3,58 : 0,1 = 0,358$

Bài 4. Tìm x, biết :

- a) $x + 12,96 = 3,8 \times 5,6$ b) $312 : x = 100 - 99,2$

.....

.....

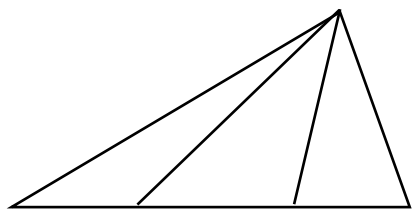
.....

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) 8500kg = tấn b) 72,5 dag = kg

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :



Hình bên có tất cả hình tam giác.

Bài 7. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

- a) $0,92 \times 324 + 0,92 \times 678$ b) $4,9 \times 3,3 - 4,8 \times 3,3$

.....

.....

.....

Họ và tên HS :

Lớp :

**ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5
ĐỀ SỐ 3**

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Chữ số 5 trong số 2,953 thuộc hàng nào ?

- A. Hàng chục B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

2. Chữ số 8 trong số thập phân 32,879 có giá trị là :

- A. $\frac{8}{10}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{1000}$ D. 800

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Tỉ số phần trăm của hai số 7,5 và 25 là

b) 40,5% của 200 là

c) Biết 8% của số x là 2,4. Vậy số x là

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) $12,89 > 12,9$

b) $34,725 < 34,73$

c) $3,9 = 3,09$

d) $27,99 > 28,11$

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức :

a) $43,2 : 12 \times 0,5 + 4,789$

b) $50 - 3,4 \times (87 : 25)$

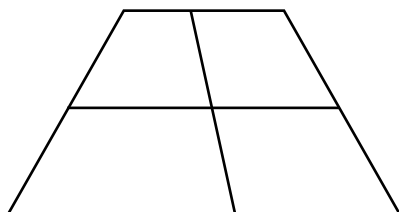
Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4km 360m = km

b) 3ha 400m² = ha

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :



Hình bên có tất cả hình thang.

Bài 7. Tìm các số tự nhiên x, biết :

a) $x < 3,001$

b) $10,99 < x < 14,99$

Các số tự nhiên x cần tìm là

Các số tự nhiên x cần tìm là

Bài 8. Lan mua 3 bịch bánh hết số tiền là 19500 đồng. Hỏi Bình mua 12 bịch bánh loại đó hết bao nhiêu tiền ?

Bài giải

Bài 9. Tổng của hai số là 48,72. Hiệu của hai số đó là 13,32. Tìm hai số đó.

Bài giải

Bài 10. Tìm x, biết :

$$460 : x = 92 \times 0,4$$

 Sửa bài :

Họ và tên HS :

Lớp :

**ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5
ĐỀ SỐ 4**

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Biết $79,462 = 70 + 9 + 0,4 + \dots + 0,002$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

- A. 6 B. 60 C. 0,06 D. 0,60

2. Số nào bé nhất trong bốn số 0,395 ; 0,48 ; 0,3 ; 0,359 ?

- A. 0,395 B. 0,3 C. 0,48 D. 0,359

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Một hình tam giác có diện tích là $7,2\text{dm}^2$, chiều cao là $3,6\text{dm}$. Độ dài đáy của hình tam giác đó là dm.

b) Một hình tam giác có diện tích là 40cm^2 , độ dài đáy là 10cm . Chiều cao của hình tam giác đó là cm.

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) $3,6 + 12 = 4,8$

b) $3,6 + 12 = 15,6$

c) $40 - 3,2 = 36,8$

d) $40 - 3,2 = 0,8$

Bài 4. Đặt tính rồi tính :

a) $5,734 + 77,09$

b) $47,7 - 38,19$

c) $19,5 \times 3,04$

d) $21,924 : 2,7$

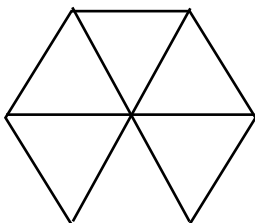
Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $4,25\text{ tạ} = \dots\dots\dots\text{ tạ} \dots\dots\dots\text{ kg}$

b) $10,05\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{ dm}^2 \dots\dots\dots\text{ mm}^2$

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :



a) Hình bên có tất cả hình tam giác.

b) Hình bên có tất cả hình thang.

Bài 7. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $0,2 \times 7,97 \times 5$

c) $2,4 \times 0,25 \times 40$

Bài 8. Một người gửi tiết kiệm 20 000 000 đồng với lãi suất 0,6% mỗi tháng. Hỏi sau một tháng người đó nhận được bao nhiêu tiền lãi ?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 9. Một vườn cây có tất cả là 120 cây cam và bưởi. Số cây bưởi bằng $\frac{2}{3}$ số cây cam. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây bưởi, bao nhiêu cây cam ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 10. Một hình vuông có chu vi 10dm và có diện tích bằng diện tích của một hình tam giác có chiều cao 5dm. Tính độ dài cạnh đáy của hình tam giác đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

✍ Sửa bài :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Họ và tên HS : Lớp :	ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5 ĐỀ SỐ 5
-------------------------------------	---

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Số thập phân 0,725 được viết thành tỉ số phần trăm là :
 A. 0,725% B. 7,25% C. 72,5% D. 725%
2. Số thập phân 4,5 bằng số nào dưới đây ?
 A. 4,500 B. 4,05 C. 4,050 D. 4,005

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) Một hình tròn có chu vi 16,328cm. Đường kính của hình tròn đó là cm.
 b) Một hình tròn có chu vi 254,24dm. Bán kính của hình tròn đó là dm.

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

- a) 12% của 345kg là 414kg b) 12% của 345kg là 41,4kg

Bài 4. Đặt tính rồi tính :

- a) $315,8 + 96,27$ b) $615,4 - 109,28$ c) $28,58 \times 6,2$ d) $13 : 125$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

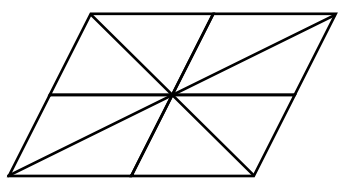
.....

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) $\frac{3}{8}$ kg = g b) $\frac{23}{20}$ km² = ha

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :



- a) Hình bên có tất cả hình bình hành.
 b) Hình bên có tất cả hình tam giác.

Bài 7. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

- a) $1,1 \times 24,9 + 1,1 \times 75,1$ c) $82,5 : 25 : 4$

.....

.....

